

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-11-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Công Hạ.

Ông Bùi Đình Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 679/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019. giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Đàm Văn L; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị và anh Đàm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Chị và anh L đã đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau lễ cưới, chị và anh L chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh L có biểu hiện không chung thủy trong quan hệ hôn nhân dẫn đến vợ chồng không

còn tin tưởng nhau, thường cãi mắng xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ xin được ly hôn anh Đàm Văn L. Con chung giữa chị và anh L là Đàm Phương N sinh ngày 25 tháng 9 năm 1999 và Đàm Thị Khánh N sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008. Hiện nay, con chung tên Đàm Phương N đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung tên Đàm Thị Khánh N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh L tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Đàm Văn L là bị đơn, khai công nhận mối quan hệ hôn nhân, con chung giữa hai người đúng như lời khai của chị T. Mâu thuẫn giữa vợ chồng có nguyên nhân như chị T khai. Nay chị T xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đàm Thị Khánh N; con chung tên Đàm Phương N đã thành niên và có khả năng lao động nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng cho con để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ về việc mở phiên tòa nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng theo Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị giao cháu Đàm Thị Khánh N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng**

Bị đơn là anh Đàm Văn L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Đàm Văn L**

Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa chị T và anh L là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, từ tháng 4 năm 2019 chị T và anh L đã sống ly thân cho đến nay. Chị T xin ly hôn, anh L có lời khai thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn, song anh L vắng mặt tại

buổi hòa giải và tại phiên tòa mà không có lý do thể hiện anh L không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng minh mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh L.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị T và anh L có 02 con chung tên Đàm Phương N sinh ngày 25 tháng 9 năm 1999 và Đàm Thị Khánh N sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008. Con chung tên Đàm Phương N đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi ly hôn, chị T đề nghị chị được trực tiếp nuôi con tên Đàm Thị Khánh N. Xét thấy, anh L và chị T đều là công nhân có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi con; con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện, hoàn cảnh của chị T, của anh L, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con Đàm Thị Khánh N là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị T và anh L đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc anh L phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn L.

- Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đàm Thị Khánh N sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 đến khi thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0002936 ngày 26/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

- Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đàm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã L Động, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**